

ĐÀO TẠO NGHỀ GẮN VỚI GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN PHỔ YÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

Ngô Xuân Hoàng*

Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn (LĐNT) huyện Phổ Yên là rất cần thiết và cấp bách để góp phần xây dựng huyện Phổ Yên trở thành thị xã công nghiệp vào năm 2015. Trong những năm qua, đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho LĐNT của huyện đã đạt được nhiều kết quả đáng mừng, thu hút và huy động được các nguồn lực của xã hội tham gia vào dạy nghề và tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng dạy nghề; hỗ trợ và tạo điều kiện cho người học sau khi học nghề để tổ chức sản xuất, kinh doanh... thu hút LĐ cả trong và ngoài độ tuổi LĐ, giải quyết số LĐ nông nhàn và tạo việc làm cho cả LĐ ở các địa phương khác...Tuy nhiên trong những năm tới huyện Phổ Yên cần tập trung hơn nữa tăng cường công tác đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho lao động nông thôn nhằm đem lại những hiệu quả lớn về mặt kinh tế, xã hội cho huyện Phổ Yên nói riêng và cho tỉnh Thái Nguyên nói chung.

Từ khóa: Đào tạo nghề, việc làm, lao động nông thôn

ĐẶT VẤN ĐỀ

Phổ Yên là huyện trung du nằm ở phía nam tỉnh Thái Nguyên, diện tích đất nông nghiệp toàn huyện là 17.600,51 ha (năm 2010), chiếm 68,57% tổng diện tích đất tự nhiên. Đất phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ khá lớn trong diện tích đất tự nhiên toàn huyện (từ 23,11% năm 2006 lên 31,04% năm 2010). Đất khu công nghiệp ngày càng tăng, từ 0,41% năm 2006 đã tăng lên 3,57 % năm 2010. Đất chưa sử dụng đã giảm dần qua 5 năm, từ 1,19% năm 2006 giảm xuống còn 0,39% năm 2010. Dân số toàn huyện năm 2010 là 137.972 người, với 31.810 hộ gia đình, dân số thành thị là 11.700 người (chiếm 8,48%), dân số nông thôn 126.272 người (chiếm 91,52%). Tốc độ tăng dân số bình quân trong 5 năm qua là 1,05%, mỗi năm bình quân tăng khoảng 1.350 người. Năm 2010, toàn huyện có 93.131 lao động (chiếm 67,5% tổng dân số của huyện), số người trong độ tuổi lao động là 84.004 người (chiếm 90,2%), trong đó người có khả năng lao động là 80.812 người (chiếm 96,2%).

Nhìn chung, diện tích đất nông nghiệp có xu hướng ngày càng giảm, lực lượng lao động ngày càng tăng đòi hỏi huyện phải tăng cường đầu tư thâm canh trong sản xuất nông nghiệp–

một yếu tố rất quan trọng trong thâm canh đó là trình độ của lực lượng lao động. Lực lượng lao động trong nông thôn trên địa bàn huyện cần phải được đào tạo nghề một cách có bài bản với kiến thức phù hợp, gắn với giải quyết việc làm cho LĐNT để chuyển dịch cơ cấu LĐ theo hướng công nghiệp-dịch vụ đáp ứng ngày càng cao của sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội nông thôn ở Huyện Phổ Yên trong giai đoạn trước mắt cũng như lâu dài.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Mạng lưới, quy mô, chất lượng đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề (ĐTNT)

Về phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề: Năm 2006, huyện Phổ Yên đã được đầu tư xây dựng Trung tâm Dạy nghề và đến năm 2009 đã được nâng cấp thành trường Trung cấp nghề Nam Thái Nguyên. Hàng năm, thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ về đào tạo nghề sơ cấp và trung cấp, trường đã đào tạo (từ năm 2006 đến 2010) bình quân mỗi năm khoảng 1.500 lao động, gồm các ngành nghề chính như: May công nghiệp, Công nghệ thông tin, Hàn điện, Điện công nghiệp, Quản lý điện nông thôn, Sửa chữa điện dân dụng–điện lạnh, Mộc dân dụng, Chế biến chè, Chăn nuôi CN, Trồng rau an toàn, Trồng-chăm sóc-thu hoạch chè... Bên cạnh đó Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Công nghiệp; Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Luyện Kim cũng tham gia

* Tel: 0912 140868

đào tạo hệ Cao đẳng nghề và Trung cấp nghề cho LĐ huyện Phổ Yên. Bên cạnh đó, Sở LĐTBXH tỉnh đã cấp phép đào tạo nghề Thêu ren cho HTX thêu ren Trung Thành; nghề nông nghiệp cho Trạm Khuyến nông...

Cơ sở vật chất, trang thiết bị ĐTN của các cơ sở dạy nghề: Trường Trung cấp nghề Nam Thái Nguyên với diện tích 20 ha đang được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất. Về trang thiết bị, từ năm 2006 đến nay đã đầu tư gần 10 tỷ đồng. Các trang thiết bị được đầu tư tương đối hiện đại, đáp ứng được yêu cầu đào tạo lý thuyết và thực hành của học sinh học một số nghề; riêng nghề điện dân dụng và nghề điện tử dân dụng được đầu tư trọng điểm cấp quốc gia. Ngoài ra, các cơ sở đào tạo nghề còn liên kết với các HTX, Doanh nghiệp để dạy nghề ngắn hạn cho LĐNT, sử dụng các xưởng sản xuất; các trang thiết bị, máy móc của các doanh nghiệp để thực hành; sử dụng các trang trại, các mô hình, ô mẫu trình diễn của ngành nông nghiệp, của các HTX và của các hộ gia đình để hướng dẫn nghề nông nghiệp... phục vụ đào tạo nghề cho LĐNT.

Chương trình đào tạo nghề cho LĐNT: Các cơ sở dạy nghề đã thường xuyên rà soát, xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp đối với một số nghề phổ biến sát với yêu cầu thực tế sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho người LĐ học nghề được thuận lợi, nhất là LĐNT. Tổ chức đào tạo một số nghề theo đúng quy định của Tổng cục dạy nghề ban hành, một số nghề đào tạo theo các chương trình của các doanh nghiệp sản xuất. Bên cạnh việc đào tạo kiến thức, kỹ năng nghề, các cơ sở đào tạo nghề đã chú ý đến việc giáo dục đạo đức, an toàn vệ sinh LĐ, ý thức công nhân và tác phong công nghiệp cho người LĐ.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên trong các cơ sở đào tạo nghề: Đội ngũ giáo viên dạy nghề cơ

hữu của huyện đã tăng đáng kể, đến năm 2010 đã có 25 giáo viên cơ hữu, chủ yếu là Giáo viên của Trường Trung cấp nghề Nam Thái Nguyên. Số giáo viên có trình độ thạc sỹ là 03 người, chiếm 8,3%; trình độ cao đẳng, Đại học: 26 người, chiếm 72,3%; trình độ trung cấp, công nhân kỹ thuật bậc cao, trình độ khác là 07 người, chiếm 19,4%.

Ngoài trình độ chuyên môn, hầu hết các giáo viên dạy nghề cơ hữu đều được đào tạo sư phạm kỹ thuật hoặc được bồi dưỡng chương trình nghiệp vụ sư phạm dạy nghề bậc 1 hoặc chương trình nghiệp vụ sư phạm dạy nghề bậc 2. Trình độ, chất lượng giảng dạy, công tác của đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý được nâng lên, từng bước đáp ứng được yêu cầu của công tác dạy nghề.

Đầu tư phát triển dạy nghề: Trên quan điểm đầu tư cho đào tạo nghề là đầu tư cho phát triển, hàng năm tổng cục Dạy nghề phân bổ cho huyện Phổ Yên kinh phí để mua sắm thiết bị tăng cường năng lực đào tạo nghề trên 1,5 tỷ đồng/năm; kinh phí để đào tạo nghề cho LĐNT bình quân 600 triệu đồng/năm (đào tạo 400 LĐ). Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phân bổ kinh phí đào tạo nghề cho LĐNT từ nguồn ngân sách tỉnh bình quân 150 triệu/năm (đào tạo 100 LĐ). Ủy ban nhân dân huyện Phổ Yên phân bổ ngân sách huyện để đào tạo nghề cho LĐNT của huyện bình quân 500 triệu đồng/năm (đào tạo 350 LĐ). Chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo, Chương trình về người tàn tật, Chương trình thực hiện chính sách xã hội, ưu đãi người có công trong giai đoạn 2006-2010 đã đầu tư cho huyện Phổ Yên trên một tỷ đồng để đào tạo nghề cho các đối tượng trên mà chủ yếu nằm trong LĐNT của huyện.

Bảng 01. Trình độ chuyên môn giáo viên dạy nghề huyện Phổ Yên 2010

Chỉ tiêu	Tổng số	GV cơ hữu		GV thỉnh giảng	
		Số GV	Tỷ lệ %	Số GV	Tỷ lệ %
Tổng số	36	25	69.4	11	30.6
Công nhân kỹ thuật	2	0	0.0	2	5.6
Trung cấp	3	3	8.3	0	0.0
Cao đẳng	6	4	11.1	2	5.6
Đại học	20	15	41.7	5	13.9
Trên đại học	3	3	8.3	0	0.0

Nguồn: tổng hợp từ số liệu điều tra

Bảng 02. Quy mô ngành nghề đào tạo cho LĐNT Phố Yên 2006-2010

Đơn vị tính: người

Nhóm nghề	Năm				
	2006	2007	2008	2009	2010
Máy công nghiệp	208	438	225	255	282
Cơ khí	30	35	45	90	115
Điện	47	60	75	95	126
Công nghệ thông tin	82	125	102	115	112
Tiểu thủ CN	241	325	326	344	346
Chế biến	135	252	238	266	275
Chăn nuôi	164	175	180	186	188
Trồng trọt	190	195	196	198	199
Tổng cộng	1097	1605	1387	1549	1643

Nguồn: Phòng LDTBXH huyện Phố Yên

Bảng 03. Chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT Phố Yên 2006-2010

TT	Nghề đào tạo	Số HS (người)	Trong đó xếp loại		
			Giỏi	Khá	T. bình
1	Máy công nghiệp	1408	287	719	401
2	Cơ khí	315	49	148	118
3	Điện	403	61	199	142
4	Công nghệ thông tin	536	87	221	228
5	Tiểu thủ CN	1582	402	937	244
6	Chế biến	1166	169	567	430
7	Chăn nuôi	893	113	555	226
8	Trồng trọt	978	119	601	257
	Tổng cộng	7281	1287	3947	2047

Nguồn: Trường Trung cấp nghề Nam Thái Nguyên nông nghiệp; Riêng nghề Máy CN năm 2007 tăng nhanh đột biến từ 206 người năm 2006 lên thành 438 người năm 2007 do có nhiều doanh nghiệp may trên địa bàn bắt đầu đi vào hoạt động như HTX may Tân Bình Minh, Công ty may xuất khẩu TNG....

Về chất lượng và hiệu quả dạy nghề cho LĐNT: Nội dung, chương trình dạy nghề cho LĐNT từng bước được đổi mới, phù hợp với sự thay đổi của kỹ thuật và công nghệ sản xuất, sát với yêu cầu thực tế sản xuất, từng bước tiếp cận với chương trình đào tạo và phương pháp dạy nghề hiện đại. Bên cạnh việc đào tạo kiến thức, kỹ năng nghề, các cơ sở đào tạo nghề đã chú ý đến việc giáo dục đạo đức, an toàn vệ sinh LĐ, ý thức công nhân và tác phong công nghiệp cho LĐNT. Chất lượng đào tạo được đánh giá qua mức độ đáp ứng mục tiêu đề ra nhằm thỏa mãn nhiều hơn nữa nhu cầu học tập của LĐNT. Một số cơ sở dạy nghề của huyện đã thực hiện chuẩn đầu ra của các khóa học là kiến thức, kỹ năng, năng lực mà học viên tốt nghiệp khóa học đạt

Kết quả đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

Về quy mô, ngành nghề đào tạo cho lao động nông thôn: Theo Báo cáo của Phòng Lao động Thương binh Xã hội huyện (2010), tổng số lao động được đào tạo nghề giai đoạn 2006-2010 là 9.839 người, trong đó lao động nông thôn là 7.281 người, chiếm 74% tổng số lao động học nghề; nâng tỷ lệ lao động được đào tạo nghề của huyện tăng lên từ 23% năm 2006 lên 34% vào năm 2010, cao hơn tỷ lệ lao động được đào tạo nghề của toàn tỉnh (28%). Quy mô đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ năm 2006 đến năm 2010, bảng 02.

Quy mô đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn huyện tăng nhanh, từ 1.097 LĐ năm 2006, đến năm 2010 là 1.643 LĐNT được học nghề. Các nhóm nghề đào tạo tập trung chủ yếu vào các nghề công nghiệp-dịch vụ do huyện Phố Yên đang có tốc độ công nghiệp hóa nhanh, LĐ thuộc diện Nhà nước thu hồi đất phải chuyển đổi nghề nghiệp sang nhóm nghề phi

được. Trong giai đoạn 2006-2010, LĐNT huyện Phổ Yên sau đào tạo vào làm việc trong các doanh nghiệp cơ bản đáp ứng được yêu cầu công việc và dây chuyền công nghệ sản xuất của doanh nghiệp. Những học viên tự tạo việc làm tại chỗ và các học viên áp dụng kiến thức, kỹ năng vào sản xuất để phát triển kinh tế hộ gia đình cũng đạt nhiều kết quả tốt; kết quả đào tạo nghề ở bảng 03.

Các cơ sở đào tạo nghề đã quan tâm, điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề, thị trường LĐ, trên cơ sở đó điều chỉnh, xây dựng cơ cấu ngành, nghề đào tạo cho phù hợp với nhu cầu của thị trường LĐ trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các cơ sở kinh tế trong và ngoài huyện; phối hợp với các doanh nghiệp tuyển dụng LĐ để tổ chức đào tạo nghề theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, các doanh nghiệp đăng ký và ký kết hợp đồng với các cơ sở đào tạo nghề để các cơ sở dạy nghề đào tạo công nhân theo yêu cầu tay nghề, trình độ, công nghệ cho doanh nghiệp.

Việc triển khai đào tạo nghề cho LĐNT theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp đã được triển khai ở huyện Phổ Yên nhưng chưa nhiều, chưa đồng bộ; mới có 26,8% LĐNT được đào tạo nghề theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp và tập chung chủ yếu vào các nhóm nghề công nghiệp như may công nghiệp (59,7%); Cơ khí (57,1%); Điện (52,1%)...các nhóm nghề Nông nghiệp tất cả đều do người LĐ tự tạo việc làm tại chỗ để phát triển kinh tế hộ gia đình.

Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho LĐNT: Tỷ lệ LĐ sau đào tạo có việc làm bình quân đạt trên 80%, nghề may công nghiệp

100% LĐNT sau học nghề đều có việc làm, các nghề tiêu thủ công nghiệp được LĐ tự tạo việc làm tại chỗ; một số LĐNT sau khi được học nghề đã tổ chức thành lập các HTX, các làng nghề như HTX Thêu ren Trung Thành; Làng nghề mộc Giã Trung-Tiên Phong; Làng nghề chè Phúc Thuận (5 làng nghề chè); Nhiều LĐNT học nghề nông nghiệp đã áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đạt năng suất, chất lượng cao hơn, (bảng 04).

Việc làm và thu nhập của LĐNT huyện Phổ Yên qua ĐTN.

Đối với các nghề nông nghiệp chủ yếu nâng cao kiến thức chuyên môn kỹ thuật để LĐNT tạo việc làm tại chỗ, các nghề tiêu thủ công nghiệp và ngành nghề chế biến nông sản có trên 90% LĐNT có việc làm trong các HTX hoặc trong các xưởng sản xuất - chế biến của các hộ gia đình sau khi học nghề, các nghề đào tạo phục vụ công nghiệp khoảng 85% số học sinh tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp, một số nghề tỷ lệ LĐNT có việc làm đạt 100% là may công nghiệp, hàn, điện dân dụng.

Thu nhập của LĐNT qua đào tạo nghề cao hơn đáng kể so với LĐ không qua đào tạo nghề; Đối với các nghề Công nghiệp, tiêu thủ CN thu nhập bình quân của LĐ đạt trên 2 triệu đồng/ tháng; các nghề phi nông nghiệp khác đạt bình quân 1,8 triệu đồng/ tháng; trong khi đó LĐ thủ công không qua đào tạo nghề chỉ đạt thu nhập bình quân là 1,6 triệu đồng/ tháng. LĐ trong nông nghiệp qua đào tạo nghề nhờ áp dụng kiến thức, khoa học kỹ thuật nên sản xuất cũng có năng suất và hiệu quả tiến bộ hơn.

Bảng 04. Đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho LĐNT 2006-2010

TT	Nghề đào tạo	Tổng LĐ (người)	Số LĐ có việc, tự tạo việc làm (người)	Tỷ lệ (%)
1	May công nghiệp	1408	1408	100
2	Cơ khí	315	265	84.2
3	Điện	403	334	82.8
4	Công nghệ thông tin	536	431	80.5
5	Tiêu thủ CN	1582	1131	71.5
6	Chế biến	1166	872	74.8
7	Chăn nuôi	893	733	82.1
8	Trồng trọt	978	797	81.5
Tổng cộng		7281	5972	82.0

Nguồn: Trường Trung cấp nghề Nam Thái Nguyên

Một số kết quả, hạn chế trong đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho LĐNT

Một số kết quả đạt được

- Nhận thức của các cấp, các ngành, của xã hội và của LĐNT đã có những chuyển biến tích cực, nhất là từ sau khi có Quyết định 1956 của Thủ tướng chính phủ về đào tạo nghề cho LĐNT.

- Mạng lưới các cơ sở dạy nghề cho LĐNT đã phát triển về số lượng, đa dạng về hình thức và công tác xã hội hóa về dạy nghề đã đạt được một số kết quả tích cực. Các doanh nghiệp, các HTX cùng tham gia đào tạo nghề tại chỗ để sử dụng LĐ cho quá trình sản xuất kinh doanh của mình, các làng nghề đã bổ sung được đội ngũ lao động có tay nghề cao để phát triển và mở rộng.

- Quy mô dạy nghề tăng nhanh, góp phần tăng tỷ lệ LĐ qua đào tạo và thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu LĐ theo hướng Công nghiệp - Xây dựng và Thương mại - Dịch vụ. Cơ cấu đào tạo nghề từng bước được điều chỉnh theo nhu cầu LĐ của các ngành kinh tế và của thị trường LĐ, đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu tuyển LĐ của doanh nghiệp; bước đầu đã có sự gắn kết giữa đào tạo nghề và giải quyết việc làm.

- Công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn gắn với sản xuất hàng hóa, ngành nghề tuyển thống mang lại hiệu quả thiết thực, bởi LĐNT có được cơ hội trang bị kiến thức, nâng cao năng lực, trình độ khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất phát triển kinh tế gắn với việc làm ổn định, tăng thu nhập... Đó chính là "đòn bẩy" để người lao động nói chung và LĐNT nói riêng trên địa bàn huyện Phổ Yên từng bước tiến tới xóa đói, giảm nghèo theo hướng nhanh và bền vững.

- Đào tạo nghề theo hướng nâng cao chất lượng, đào tạo theo nhu cầu của người dân và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp cùng với những chính sách của nhà nước về dạy nghề đã triển khai, người dân đã nhận thức được tầm quan trọng trong việc học nghề để chuyển đổi việc làm, số lao động sau khi được đào tạo đã áp dụng kiến thức vào chăn nuôi gia súc gia cầm theo hướng công nghiệp.

- Đào tạo nghề để phát triển các ngành nghề kinh doanh dịch vụ tăng thu nhập đã tạo nền tảng và là tiền đề quan trọng cho việc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn và đó cũng là mục tiêu trọng yếu để phấn đấu hoàn thành tiêu chí thứ 12 trong 19 bộ tiêu chí về xây dựng nông thôn mới.

Một số hạn chế và nguyên nhân tồn tại

Hạn chế về cơ sở vật chất, thiết bị: Kinh phí Dự án "Tăng cường năng lực dạy nghề" thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục - đào tạo đến năm 2010 trong những năm qua tăng nhanh, nhưng số lượng còn ít chưa đáp ứng được nhu cầu trang thiết bị tối thiểu. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, trang thiết bị dụng cụ và nguyên liệu thực hành, thực tập còn thiếu nhiều. Phương tiện trực quan giảng dạy lý thuyết ít và lạc hậu, vật tư thực hành được sử dụng không nhiều.

Hạn chế về chương trình và nội dung đào tạo: Chương trình đào tạo nghề phần lớn do các cơ sở đào tạo nghề tự xây dựng và do đội ngũ cán bộ, giáo viên biên soạn và phê duyệt, ít tham khảo ý kiến xây dựng của doanh nghiệp và của người LĐ nên chương trình đào tạo ở cơ sở dạy nghề không phù hợp thực tế ở doanh nghiệp. Nội dung đào tạo thường đi sau công nghệ của các doanh nghiệp, việc đổi mới nội dung đào tạo thường không kịp thời với việc đổi mới công nghệ nên LĐ sau đào tạo bị lạc hậu so với kỹ thuật mới, không đáp ứng ngay được công việc tại các doanh nghiệp. Tài liệu học tập của học viên không đầy đủ.

Hạn chế về đội ngũ giáo viên: Năm 2010 số giáo viên cơ hữu mới đáp ứng được 70% nhu cầu về giáo viên dạy nghề cho LĐNT; đa số giáo viên trẻ mới ra trường chưa có nhiều kinh nghiệm cho việc dạy nghề cho LĐNT nên còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình truyền đạt kiến thức lý thuyết cũng như các kỹ năng thực hành nghề. Chế độ đãi ngộ, thù lao giảng dạy của giáo viên còn thấp, chưa đáp ứng được cuộc sống tối thiểu nên nhiều giáo viên chưa nhiệt tình với công việc; không tuyển chọn được nhiều giáo viên giỏi tham gia đào tạo nghề cho LĐNT.

Hạn chế về kinh phí hỗ trợ cho đào tạo: Ngân sách Nhà nước bố trí cho dạy nghề nói chung

và dạy nghề cho LĐNT nói riêng chưa tương xứng với yêu cầu tăng quy mô và nâng cao chất lượng dạy nghề. Kinh phí hỗ trợ dạy nghề cho LĐNT hiện vẫn còn thấp, mới đáp ứng được chi phí cơ bản, không có kinh phí cho công tác tuyên truyền, khảo sát, thủ tục chưa rõ ràng và việc thanh quyết toán kinh phí dạy nghề từ trung ương đến tỉnh, xuống huyện, xã còn chậm. LĐ sau khi học nghề gặp khó khăn về vốn để mở rộng sản xuất.

Hạn chế về nhận thức của cán bộ địa phương và LĐNT: Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên trong các xã, thị trấn và của người LĐ trong công tác dạy nghề, tạo việc làm còn hạn chế. Nhiều cán bộ xã còn trông chờ vào cấp trên, phó mặc cho nhân dân về việc đào tạo nghề, việc làm cho LĐNT. Người nông dân, cả tay nghề cũng như nhận thức còn hạn chế; không đóng góp kinh phí để học nghề; dễ sinh tâm lý chán nản khi học nghề. Mặt khác, bản thân người học cũng chưa nhận thức được quyền lợi và trách nhiệm của mình; chỉ khi nào có các chương trình, dự án của nhà nước triển khai và hỗ trợ kinh phí mới tham gia học nghề; nhiều trường hợp đã không phải đóng góp kinh phí đào tạo nhưng không hỗ trợ thêm kinh phí học hàng ngày cho cá nhân và cũng không tham gia học nghề.

Cơ chế, chính sách dạy nghề cho LĐNT được ban hành còn thiếu, bất cập và chậm được bổ sung, sửa đổi: Chính sách đào tạo nghề cho LĐNT còn chưa đồng bộ giữa các địa phương, việc Trung ương chưa xây dựng được các chương trình khung đào tạo về sơ cấp nghề cho những nghề thông dụng để thống nhất đào tạo chung giữa các địa phương gây nên sự đào tạo không đồng bộ giữa các địa phương, cho nên việc tuyển LĐNT sau đào tạo của doanh nghiệp càng gặp nhiều sự bất cập trong việc tuyển dụng và bố trí nhân sự...

KẾT LUẬN

1. Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho LĐNT huyện Phổ Yên, Thái Nguyên là vô cùng cần thiết và cấp bách để góp phần xây dựng huyện Phổ Yên trở thành thị xã công nghiệp vào năm 2015. Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho LĐNT vừa nâng cao tỷ lệ LĐ qua đào tạo đồng thời giải quyết

việc làm cho LĐNT; giúp người LĐ có định hướng rõ ràng trước khi tham gia học nghề, giúp doanh nghiệp tuyển dụng được LĐ qua đào tạo phù hợp với việc tổ chức sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp các cơ sở đào tạo nghề nâng cao hiệu quả đào tạo; việc phối hợp giữa 3 nhà (nhà trường, nhà sử dụng LĐ, nhà nông) ngày càng hiệu quả hơn.

2. Trong những năm qua, đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho LĐNT huyện Phổ Yên đã đạt được nhiều kết quả đáng mừng. Các cơ sở đào tạo nghề không ngừng tăng lên về số lượng và về quy mô với các ngành nghề đa dạng, phong phú; cơ sở vật chất, trang thiết bị được tăng cường; đội ngũ giáo viên được bổ sung; chương trình, giáo trình được biên soạn theo nhu cầu của xã hội.... Các ngành nghề phát huy hiệu quả: nghề công nghiệp được tăng cường cả về số lượng và chất lượng đào tạo; nghề tiểu thủ công nghiệp đã thu hút LĐ cả trong và ngoài độ tuổi LĐ, giải quyết số LĐ nông nhàn và tạo việc làm cho cả LĐ ở các địa phương khác; LĐ nghề nông lâm nghiệp được đào tạo theo hướng CNH - HĐH nông nghiệp nông thôn; thu nhập tăng, đời sống vật chất, tinh thần của LĐNT được cải thiện, số hộ có kinh tế khá, giàu tăng lên, số hộ nghèo giảm một cách rõ rệt qua các năm.

3. Mặc dù đã có được những kết quả bước đầu hết sức quan trọng, nhưng công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho LĐNT huyện Phổ Yên vẫn còn những yếu kém cần khắc phục như công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho LĐNT mới chủ yếu tập trung vào một số mô hình mà chủ yếu là các mô hình thí điểm của Tổng cục Dạy nghề (có ký cam kết tuyển LĐ của các doanh nghiệp cho LĐ trước khi đào tạo); việc đào tạo mở rộng ở các xã vẫn còn có hạn chế, yếu kém: tình trạng nghề đào tạo chưa phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người học, chưa gắn chặt với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp. Nhiều xã chưa hoàn thành quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, không đạt chỉ tiêu về số lượng dạy nghề cho LĐNT (chỉ đạt dưới 50%), có xã không đạt mục tiêu tỷ lệ LĐNT học nghề có việc

làm theo mục tiêu đào tạo kể cả bốn xã thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn một theo Quyết định của Ủy ban nhân tỉnh.

4. Nhằm tiếp tục thực hiện tốt đề án phát triển kinh tế, xã hội, hướng đến giảm nghèo nhanh và bền vững, giai đoạn 2010 - 2015 theo Nghị quyết 30a và Đề án 1956 của Thủ tướng Chính phủ, huyện Phổ Yên đang tập trung tăng cường công tác đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho lao động nông thôn. Nếu các giải pháp này được thực hiện tốt thì trong những năm tới công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho LĐNT sẽ có nhiều bước tiến mới, đem lại những hiệu quả lớn về mặt kinh tế, xã hội cho huyện Phổ Yên nói riêng và cho tỉnh Thái Nguyên nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Lao động TBXH (2012), *Vai trò của đào tạo nghề với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*, <http://www.molisa.gov.vn>, ngày 13/02/2012.

[2]. Chi cục Thống kê huyện Phổ Yên (2010), *Báo cáo 5 năm giai đoạn (2006-2010) Báo cáo thống kê*, Phổ Yên.

[3]. Chính phủ (2009), *Quyết định số 1956 ngày 27/11/2009 về việc phê duyệt đề án “đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”*, Hà Nội.

[4]. Phạm Quang Ngọc (2009), “Cải thiện sự phù hợp của Hệ thống đào tạo dạy nghề ở Việt Nam nhằm đáp ứng nhu cầu của khu vực doanh nghiệp”, tham luận trình bày tại hội thảo *Đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp*, Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề, ngày 15 tháng 5.

[5]. Phòng Lao động TBXH huyện Phổ Yên (2010), *Báo cáo 5 năm (2006-2010) lao động việc làm*, Phổ Yên.

[6]. Sở Lao động TBXH Thái Nguyên (2010), *Báo cáo tổng kết 5 năm (2006-2010)*, Thái Nguyên.

[7]. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (2010), “Phát triển đội ngũ công nhân tay nghề cao”, *Nghiên cứu chất lượng nguồn nhân lực*, Hà Nội.

SUMMARY

VOCATIONAL TRAINING LINKED TO CREATING JOBS FOR RURAL LABORS IN PHO YEN DISTRICT, THAI NGUYEN PROVINCE

Ngô Xuân Hoàng*

College of Economics and Technology - TNU

Vocational training linked to jobs for rural labors in Pho Yen district is extremely necessary and urgent to help build Pho Yen district became industrial town in 2015. In recent years, vocational training linked to jobs for rural labors Pho Yen district has achieved encouraging results, attract and mobilize the resources of society to participate in vocational training and enhanced conditions to ensure quality of vocational training; support and create conditions for education after training to the organization of production, business has attracted laborers both in and out of the age of Labour, the decision of Labour harvest and create jobs for local laborers in the other ... But Pho Yen district in the coming years need to focus further strengthen vocational training linked to employment for agricultural laborers areas. bring about greater efficiency in terms of economic, social and Pho Yen district in particular and for the province of Thai Nguyen.

Keywords: *vocational training, employment, rural labor*

Ngày nhận bài: 29/11/2012, ngày phản biện: 20/12/2012, ngày duyệt đăng: 26/3/2013

* *Tel: 0912 140868*